CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM
CÔNG VĂN ĐẾN Số: 754 ngày 21/12/2020
CHUYỂN
Lãnh đạo CC
Phòng VPTH
Sao

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 01/2020/0801082558-CBPH

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM NAPHARCO**

Địa chỉ: Đường D1, Khu công nghiệp Yên Mỹ II, Thị trấn Yên Mỹ, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.

Điện thoại: 0221.3766.338 Fax:

Email:

Mã số doanh nghiệp: 0801082558

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 56/2020/ATTP-CNĐK

Ngày cấp/Nơi cấp: 06/7/2020, tại Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh Hưng Yên.

(Đối với cơ sở thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định).

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: GLUCOLAC NPC

2. Thành phần:

Thành phần chính: Dextrose Anhydrous, lactose.

Phụ liệu: Tinh bột, Canxicacbonat, Canxigluconat, Nipazil, Nipazol.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

Ngày sản xuất và hạn sử dụng được ghi trên nhãn chính của sản phẩm.

4. Chất liệu bao bì và Quy cách đóng gói.

- Chất liệu bao bì:
Sản phẩm được đóng trong gói nhôm/ gói nhựa, lọ thủy tinh/ lọ nhựa, ống nhựa, bên ngoài hộp cứng đảm bảo đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm.
- Quy cách đóng gói:
Viên nang cứng 650mg ± 7,5% (bao gồm cả vỏ nang)
Hộp 1 lọ, 2 lọ. Lọ 50, 60, 90, 100, 120, 150, 200, 300, 450, 500 viên.
Gói 100, 120, 150, 200, 300, 450, 500, 1000 viên.
Hộp 1 gói, 2 gói, 2 gói. Gói 50, 60, 90, 100, 120 viên.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):

III. Mẫu nhãn sản phẩm *(đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)*

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số: QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm; QCVN 8-3;2012/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ô nhiễn vi sinh vật trong thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố ./.

Hưng yên, ngày 12 tháng 12 năm 2020
ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)

M.S.D.N: 0801082558-T.N.H.H
CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM NAPHARCO
TỈNH HƯNG YÊN

TỔNG GIÁM ĐỐC
VŨ THỊ LAN

M.S.D.N:0801082558-T.N.H.H
CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM NAPHARCO
TỈNH HƯNG YÊN

GLUCOLAC NPC

Dextrose Anhydrous
Lactose

Thành phần chính:
Dextrose Anhydrous, lactose.
Phụ liệu: Tinh bột, Canxicacbonat, Canxigluconat, Nipazil, Nipazol.

Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

GLUCOLAC NPC

Dextrose Anhydrous
Lactose

Sản xuất tại:
CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM NAPHARCO
Địa chỉ: Đường D1, Khu công nghiệp Yên Mỹ II, Thị trấn Yên Mỹ, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: DVB201200294-1

1. **Tên khách hàng**/ *Client's Name* : **CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM NAPHARCO**
2. **Địa chỉ**/ *Client's Address* : Đường D1, KCN Yên MỸ II, Thị trấn Yên Mỹ, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
3. **Ngày nhận mẫu**/ *Date sample(s) received* : 05/12/2020
4. **Ngày phân tích mẫu**/ *Date of Performance of Test* : 05/12/2020
5. **Ngày trả kết quả**/ *Date of Issue* : 10/12/2020
6. **Thông tin mẫu**/ *Name of Sample* : **GLUCOLAC NPC**
7. **Mô tả mẫu**/ *Sample Description* : Mẫu chứa trong bao bì kín
8. **Ghi chú**/ *Note* :
9. **Bảng kết quả**/ *Results Table* :

STT/ *No.*	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*
1	Định lượng Clostridium perfringens (*) / Enumeration of Clostridium perfringens (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)
2	Định lượng Coliforms (*) / Enumeration of Coliforms (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)
3	Định lượng Escherichia coli (*) / Enumeration of Escherichia coli (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)
4	Tổng số nấm men nấm mốc (*) / Enumeration of yeasts and moulds (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)
5	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*) / Enumeration of total aerobic microorganisms (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	TCVN 4884-1:2015 (ISO 4833-1:2013)
6	Cadimi (Cd) (*) / Cadmium (Cd) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.007	TS-KT-QP-02:2018(Ref. TCVN 19012:2015 AOAC 2015.01 FDA 4.7 version 1.1 (3/2015))
7	Thủy ngân (Hg) (*) / Mercury (Hg) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-QP-02:2018(Ref. TCVN 19012:2015 AOAC 2015.01 FDA 4.7 version 1.1 (3/2015))

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / *Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.*
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL./ *This report will not be reproducted except in full, without approval of TSL.*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: DVB201200294-1

STT/ *No.*	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*
8	Chì (Pb) (*) / Lead (Pb) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-QP-02:2018(Ref. TCVN 19012:2015 AOAC 2015.01 FDA 4.7 version 1.1 (3/2015))
9	Phát hiện Salmonella spp. (*) / Detection of Salmonella spp. (*)	Không phát hiện/ Not Detected	/25g	-	TCVN 10780-1:2017 (ISO 6579-1:2017)

Chú thích/ *Remarks*:

1.(*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2.(**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.

3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

NGUYỄN HỮU TRUYỀN

M.S.D.N: 0314212615 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

HỒ THỊ THANH PHƯƠNG

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / *Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.*
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL./ *This report will not be reproducted except in full, without approval of TSL.*